TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2020/HS-ST
Ngày: 08/01/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai
2. Ông Phạm Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3181/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Dư Văn T, sinh năm: 1966 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: 57/2, ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dư Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); Họ tên vợ: Trần Thị C, sinh năm: 1966 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 người con sinh năm 1985 và 1991; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 39 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú và Quyết định số: 68/2019/HSST-QĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại*: Anh Trương Văn Tr, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại anh Trương Văn Tr*: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm: 1955; Anh Trương Nhật H, sinh năm: 2003. Cùng nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị O, anh Trương Nhật H: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền đề ngày 15/11/2018.

Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Văn D có mặt tại tòa.

- *Người làm chứng*:

1/ Ông Lê Hữu N, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: ấp M, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2/ Ông Cao Trọng Đ, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: ấp M, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1989; Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 40 phút ngày 12 tháng 10 năm 2017, Dư Văn T không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển số 53P3-7002 trên đường huyện 24 từ chợ P để về nhà ở ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Khi đến khu vực giao nhau với đường nhánh đi về ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre, Dư Văn T nhìn thấy Trương Văn Tr đang điều khiển xe gắn máy biển số 71AA-008.82 lưu thông theo hướng ngược lại. Dư Văn T cho xe chuyển hướng từ phần đường bên phải sang phần đường bên trái không có đèn tín hiệu do đèn tín hiệu bị hỏng để rẽ vào đường nhánh. Khi xe Dư Văn T đã di chuyển sang phần đường bên trái thì va chạm với xe gắn máy của Tr đang đi trên phần đường của mình, làm cả hai xe và người cùng ngã xuống đường. Dư Văn T bị xây xát nhẹ, còn Trương Văn Tr bị chấn thương vùng đầu được chuyển đến Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre cấp cứu. Sau đó chuyển Bệnh viện Chợ Rẫy, thành phố Hồ Chí Minh điều trị. Đến ngày 15 tháng 10 năm 2018, Trương Văn Tr chết. Qua kiểm tra Dư Văn T vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 8; khoản 1, 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ về việc không có giấy phép lái xe và quy định về chuyển hướng xe khi tham gia giao thông.

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 09 giờ 00 phút ngày 12 tháng 10 năm 2017 thể hiện như sau:

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn mặt đường bằng phẳng, rải nhựa, rộng 5,65m; đường không có vạch kẻ phân làn đường, đoạn đường nằm trong phạm vi hiệu lực của biển cảnh báo nguy hiểm "Giao nhau với đường không ưu tiên". Chọn lề chuẩn là mép đường bên phải theo hướng Ủy ban nhân dân xã Đ đi Ủy ban nhân dân xã P; trụ điện số 21 làm mốc chuẩn. Hiện trường thể hiện:

- Vị trí số 1: là xe mô tô 53P3-7002 ngã nghiêng bên trái đầu hướng lề chuẩn, đuôi hướng ra lề trái, trục trước xe mô tô cách lề chuẩn 0,45m, trục sau xe mô tô cách lề chuẩn 1,35m; trục sau xe mô tô cách đầu vị trí số 2 là 0,90m.

- Vị trí số 2: là vết ma sát (do xe mô tô 53P3-7002 tạo nên), màu đen, dài 1,05m, rộng 0,1m; đầu vết ma sát hướng Ủy ban nhân dân xã P, cuối hướng Ủy ban nhân dân xã Đ; đầu vết ma sát cách lề chuẩn 02m; cuối vết ma sát cách lề chuẩn 02m; đầu vết ma sát cách tâm vị trí số 3 là 1,20m.

- Vị trí số 3: là vết máu (của người lái xe mô tô 53P3-7002) dạng phun thành tia, kích thước 02m x 1,2m, tâm vết máu cách lề chuẩn 0,90m; tâm vết máu cách đầu vị trí số 4 là 1,70m.

- Vị trí số 4: là vết cày (do xe gắn máy 71AA-008.82 tạo nên), kích thước 0,4m x 0,01m, phần cuối vết cày hơi cong về phía lề chuẩn; đầu vết cày hướng Ủy ban nhân dân xã Đ, cuối vết cày hướng Ủy ban nhân dân xã P; đầu vết cày cách lề chuẩn 2,35m, cuối vết cày cách lề chuẩn 2,3m; cuối vết cày cách đầu vị trí số 5 là 01m.

- Vị trí số 5: là vết cày (do xe gắn máy 71AA-008.82 tạo nên), hướng Ủy ban nhân dân xã Đ đi Ủy ban nhân dân xã P, kích thước 4,35m x 0,01m; đầu vết cày cách lề chuẩn 2,10m; cuối vết cày cách lề chuẩn 2,10m; cuối vết cày đến đầu vị trí số 6 là 0,25m.

- Vị trí số 6: là vết cày (do xe gắn máy 71AA-008.82 tạo nên), hướng Ủy ban nhân dân xã Đ đi Ủy ban nhân dân xã P, kích thước 3,85m x 0,01m; đầu vết cày cách lề chuẩn 2,35m; cuối vết cày cách lề chuẩn 3,35m; đầu vết cày đến vị trí số 7 là 1,15m.

- Vị trí số 7: là vết cày (do xe gắn máy 71AA-008.82 tạo nên), kích thước 2,95m x 0,01m; hướng Ủy ban nhân dân xã Đ đi Ủy ban nhân dân xã P, đầu vết cày cách lề chuẩn 2,25m; cuối vết cày cách lề chuẩn 2,85m.

- Vị trí số 8: là xe gắn máy 71AA-008.82, ngã nghiêng trái, đầu xe gắn máy hướng Ủy ban nhân dân xã Đ, trục trước cách lề chuẩn 3,10m; đuôi xe gắn máy hướng Ủy ban nhân dân xã P; trục sau xe cách lề chuẩn 3,80m, cách tâm vị trí số 9 là 1,15m.

- Vị trí số 9: Vết máu (của người lái xe gắn máy 71AA-008.82), dạng máu loang, kích thước 0,55m x 0,17m; tâm vết máu cách lề chuẩn 3,65m.

Tại biên bản khám nghiệm tử thi lúc 11 giờ 15 phút ngày 15 tháng 10 năm 2018 ghi nhận các dấu vết, tổn thương điển hình trên cơ thể của Trương Văn Tr như sau:

- Xương sọ vùng trán, đỉnh, chẩm, thái dương phải mất khuyết kích thước 17cm x 15cm; da đầu có vùng sẹo cũ từ vùng trán kéo dài đến đỉnh thái dương phải, dài 29cm.

- Vùng cổ có vết sẹo (do mổ khí quản), kích thước 03cm x 0,15cm

- Mổ vùng đầu nhận thấy: Tổ chức dưới da đầu dính; vùng khuyết sọ tổ chức não phập phều. Xương sọ vùng trán đỉnh bên trái có vết khoan hình tròn, đường kính 01cm. Màng não vùng phập phều bị sung huyết có nhiều chỗ tụ máu. Não vùng phập phều bị giập, mũ lẫn dịch trong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 84-1018/TT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre, kết luận Trương Văn Tr chết do viêm não, màng não; viêm phổi; suy kiệt nặng/ chấn thương sọ não do tai nạn giao thông đường bộ. Tại Công văn giải thích kết luận giám định ngày 26 tháng 12 năm 2018, Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bến Tre xác định: Nguyên nhân tử vong của

Trương Văn Tr do thương tích khi bị tai nạn giao thông để lại hậu quả viêm não, màng não; viêm phổi, suy kiệt là do tai nạn giao thông chuyển biến, không phải do bệnh lý.

Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 03/19/GĐHS ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Phân Viện pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Nguyên nhân tử vong của Trương Văn Tr là do di chứng chấn thương sọ não nặng và chấn thương ngực kín gây viêm màng não mủ, viêm phổi và suy kiệt nặng không đáp ứng điều trị.

Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 04/19/GĐHS ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Phân Viện pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh về nguyên nhân tử vong của Trương Văn Tr kết luận: Do chấn thương sọ não: Giập, xuất huyết trán – thái dương phải; xuất huyết dưới nhện bán cầu phải, quanh thân não; tụ máu dưới màng cứng bán cầu phải; tụ khí nội sọ; gãy xương vùng chẩm phải. Chấn thương ngực kín gây gãy xương sườn VI, VII, VIII trái. Đây là đa chấn thương nặng không đáp ứng điều trị để lại di chứng giãn não thất trên và dưới lều; thoát vị nhu mô não bán cầu phải và não thất bên phải qua vị trí khuyết sọ bán cầu phải; viêm màng não mủ và viêm phổi là nguyên nhân dẫn đến tử vong.

Vật chứng của vụ án được tạm giữ gồm:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, hiệu CITI, màu nâu, biển số 53P3-7002, số máy CT100E-1672919, số khung CT100F-1672504.

- 01 (một) xe gắn máy, hiệu WAYEC, màu đen xám, biển số 71AA-008.82, số máy RNRHA139FMB113886, số khung RNRWCB7UMB1113886.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú đã trả lại xe mô tô biển số 53P3-7002 cho Dư Văn T và trả lại xe gắn máy biển số 71AA-008.82 cho bà Nguyễn Thị O là người đại diện hợp pháp của bị hại Trương Văn Tr theo Quyết định xử lý vật chứng số 13 ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú.

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKS, ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú đã truy tố Dư Văn T về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 xử phạt bị cáo Dư Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo Dư Văn T đã bồi thường cho người đại diện hợp pháp bị hại số tiền 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng

ý bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại toàn bộ số tiền chi phí điều trị, mai táng: 174.478.000 đồng và tiền cấp dưỡng cho con của bị hại Trương Văn Tr là cháu Trương Nhật H số tiền 24.000.000 đồng. Tổng số tiền bồi thường thiệt hại là 198.478.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584, 585, 586, 591, 593 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Dư Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại do bà Nguyễn Thị O đại diện nhận tổng số tiền 198.478.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú đã trao trả 01 (một) xe mô tô hai bánh, hiệu CITI, màu nâu, biển số 53P3-7002, số máy CT100E-1672919, số khung CT100F-1672504 cho Dư Văn T và trả 01 (một) xe gắn máy, hiệu WAYEC, màu đen xám, biển số 71AA-008.82, số máy RNRHA139FMB113886, số khung RNRWCB7UMB1113886 cho bà Nguyễn Thị O là đại diện hợp pháp của bị hại theo Quyết định xử lý vật chứng số 13 ngày 01 tháng 11 năm 2019.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại cùng người đại diện theo ủy quyền quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Văn D đều có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền phí điều trị, mai táng và cấp dưỡng cho con của bị hại Tr là 198.478.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật; tại phần nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án,căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạnh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Dư Văn T thừa nhận hành vi là vào khoảng 08 giờ 40 ngày 12 tháng 10 năm 2017, Dư Văn T là người không có giấy phép lái xe theo quy định, cùng với ý thức chủ quan, thiếu chú ý quan sát, cho xe chuyển hướng không đảm bảo an toàn theo quy định tại khoản 9 Điều 8; khoản 1, 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ nên khi điều khiển xe mô tô biển số đăng ký 53P3-7002 đã va chạm vào xe gắn máy 71AA-008.82 do Trương Văn Tr điều khiển lưu thông theo hướng ngược lại, dẫn đến bị hại Trương Văn Tr té ngã xuống đường, bị thương tích vùng đầu dẫn đến tử vong.

[3] Hành vi của Dư Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Hành vi của bị cáo Dư Văn T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông công cộng, tính mạng của người khác và gây nên cảnh mất mát đau thương vô hạn cho gia đình nạn nhân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo xét thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải; trước đó bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại với số tiền 1.000.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho người đại diện hợp pháp bị hại chi phí điều trị, mai táng và cấp dưỡng cho con của bị hại với tổng số tiền 198.478.000 đồng; Bị hại cũng có lỗi là chạy xe với tốc độ nhanh; Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị O và người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn D đều có yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Qua đánh giá toàn diện về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy rằng do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên có đủ căn cứ để quyết định cho bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của khoản 2 Điều 202 theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự.

[6] Về tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tuy nhiên, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra. Bị cáo Dư Văn T biết mình không có giấy phép lái xe nhưng vẫn điều khiển xe mô tô tham gia giao thông, khi cho xe chuyển hướng không đảm bảo an toàn theo quy định Luật giao thông đường bộ. Từ hành vi đó của bị cáo đã dẫn đến thiệt hại về tính mạng của bị hại Trương Văn Tr, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự giao thông công cộng, làm cho nhân dân không an tâm sinh hoạt, đi lại nhất là khi tham gia giao thông. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng nên phải xử lý nghiêm, cần áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng, đồng thời để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo đã bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 1.000.000 đồng. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho người đại diện hợp pháp của bị hại do bà Nguyễn Thị O đại diện nhận số tiền chi phí điều trị, mai táng và tiền cấp dưỡng cho con của bị hại Tr là 198.478.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú đã trao trả cho bị cáo Dư Văn T 01 xe mô tô hai bánh, hiệu CITI, màu nâu, biển số 53P3-7002, số máy CT100E-1672919, số khung CT100F-1672504 và trả cho bà Nguyễn Thị O là đại diện hợp pháp của bị hại 01 xe gắn máy, hiệu WAYEC, màu đen xám, biển số 71AA-008.82, số máy RNRHA139FMB113886, số khung RNRWCB7UMB1113886 theo Quyết định xử lý vật chứng số 13 ngày 01 tháng 11 năm 2019 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dư Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung mọt số điều theo luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13.

Xử phạt bị cáo Dư Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Các Điều 357, 584, 585, 586, 591, 593 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận việc bị cáo Dư Văn T đã bồi thường trước cho người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nguyễn Thị O số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Buộc bị cáo Dư Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại do bà Nguyễn Thị O đại diện nhận tổng số tiền chi phí điều trị, mai táng và tiền cấp dưỡng cho con của bị hại là 198.478.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người đại diện hợp pháp của bị hại, nếu bị cáo chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong.

4. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra nên không đề cập.

5. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Dư Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).
- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Dư Văn T phải chịu 9.923.900 đồng (Chín triệu chín trăm hai mươi ba nghìn chín trăm đồng).

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Công an huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên